

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ BÀI THI HẾT PHẦN HỌC: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM; NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 182 - ĐẢNG ỦY KHỐI CCQ&DN TỈNH

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm	
				Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam
1	Trần Trung	Anh	01	8,5	8,5
2	Trần Đức	Anh	02	8,0	8,0
3	Phạm Thanh	Biên	03	7,5	8,0
4	Trần Hải	Bình	04	7,0	7,0
5	Võ	Chính	05	8,0	8,0
6	Nguyễn Trọng	Chương	06	7,0	7,0
7	Nguyễn Tiến	Công	07	7,0	8,0
8	Lương Sỹ	Công	08	8,0	7,5
9	Nguyễn Thị Vân	Dung	09	8,5	8,5
10	Võ Thị Bích	Diện	10	8,5	7,5
11	Phạm Ngọc	Đài	11	7,5	7,0
12	Thái Văn	Đạt	12	7,5	7,5
13	Dương Hữu	Đức	13	8,5	8,5
14	Trương Huy	Đức	14	7,5	7,5
15	Trần Đăng	Đức	15	8,5	8,5
16	Nguyễn Thanh	Hải	16	7,5	8,0
17	Hồ Thị Thu	Hiền	17	8,0	8,5
18	Trương Thị	Hiền	18	8,0	8,0
19	Dương Thị	Hoa	19	7,50	7,75
20	Dương Thị	Hoa	20	8,0	8,0
21	Phạm Thị Mai	Hòa	21	8,5	8,5
22	Trần Bá	Hoan	22	8,5	8,5
23	Nguyễn Việt	Hoàng	23	7,5	8,0
24	Dương Đình	Hùng	24	8,5	8,5
25	Đào Việt	Hùng	25	7,5	7,5
26	Thiều Thị	Hương	26	8,0	8,5



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm	
				Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam
27	Nguyễn Hữu	Khánh	27	7,5	7,5
28	Nguyễn Thị	Khuyên	28	8,5	8,5
29	Nguyễn Thành	Lê	29	7,5	8,0
30	Nguyễn Phi	Long	30	8,0	8,5
31	Huỳnh Thị Kiều	Ly	31	8,0	8,0
32	Võ Thị	Lý	32	8,0	8,0
33	Nguyễn Thị	Mai	33	7,5	8,5
34	Đoàn Thị Hoàng	Mai	34	8,0	8,5
35	Bùi Thị Tô	Na	35	8,0	7,75
36	Trần Hải	Nam	36	7,5	7,5
37	Phạm Thị	Nga	37	8,0	7,75
38	Đặng Thanh	Nga	38	8,5	7,5
39	Phan Thị Bảo	Ngọc	39	7,5	7,5
40	Lê Thị	Ngọc	40	Vắng thi	Vắng thi
41	Cù Thị Bích	Ngọc	41	8,5	8,5
42	Nguyễn Thị Tâm	Nhàn	42	8,0	8,0
43	Nguyễn Nam	Nhật	43	8,5	8,5
44	Trần Thị	Nhung	44	7,5	8,5
45	Trần Khánh	Ninh	45	8,5	8,5
46	Nguyễn Thị Tổ	Oanh	46	7,5	8,0
47	Phan Việt	Phương	47	7,0	7,5
48	Lê Thị	Phượng	48	8,5	7,5
49	Nguyễn Công	Quân	49	7,0	7,0
50	Nguyễn Thị	Sen	50	7,0	7,0
51	Trương Doãn	Tân	51	7,5	7,5
52	Nguyễn Thị	Tâm	52	8,0	7,5
53	Trần Thị	Thảo	53	7,0	7,0
54	Nguyễn Hữu	Thuần	54	8,0	7,5
55	Nguyễn	Thuận	55	8,5	8,5
56	Ngô Bá	Thục	56	Vắng thi	Vắng thi
57	Hồ Thị	Thủy	57	7,5	7,5
58	Ngô Thị Xuân	Thương	58	Vắng thi	Vắng thi

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm	
			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam
59	Hoàng Đức Thị	59	7,0	Không đủ ĐK dự thi
60	Bùi Xuân Tiến	60	7,5	8,0
61	Trần Văn Toàn	61	7,0	7,0
62	Nguyễn Thị Trang	62	7,5	8,5
63	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	63	7,5	8,5
64	Bùi Thị Tú	65	8,0	8,0
65	Nguyễn Quang Tùng	67	7,5	7,0
66	Hoàng Thị Tuyết	68	7,5	7,5
67	Võ Tá Quốc Việt	69	7,5	7,5
68	Trần Phú Vinh	70	7,0	7,5
69	Lưu Thị Vinh	71	7,5	7,5
70	Lê Hoài Vũ	72	7,0	7,0
71	Phạm Thị Thắm	73	7,5	8,0
72	Phạm Thị Xuân Thu	74	8,5	8,5

Danh sách này gồm: 72 học viên

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Bùi Thị Thủy

TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT VÀ NCKH

Nguyễn Xuân Bé

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ BÀI THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH;
ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 182 - ĐẢNG ỦY KHỐI CCQ&DN TỈNH

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm	
				Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam
1	Trần Trung	Anh	01	8,5	Không đủ điều kiện dự thi
2	Trần Đức	Anh	02	8,5	8,0
3	Phạm Thanh	Biên	03	7,5	7,75
4	Trần Hải	Bình	04	8,0	7,25
5	Võ	Chính	05	8,0	8,0
6	Nguyễn Trọng	Chương	06	8,5	7,5
7	Nguyễn Tiến	Công	07	Không đủ điều kiện dự thi	7,5
8	Lương Sỹ	Công	08	8,0	7,5
9	Nguyễn Thị Vân	Dung	09	8,5	8,5
10	Võ Thị Bích	Diện	10	8,5	8,0
11	Phạm Ngọc	Đài	11	8,0	8,0
12	Thái Văn	Đạt	12	8,0	8,0
13	Dương Hữu	Đức	13	8,5	8,0
14	Trương Huy	Đức	14	8,5	7,5
15	Trần Đăng	Đức	15	Không đủ điều kiện dự thi	7,5
16	Nguyễn Thanh	Hải	16	7,5	7,5
17	Hồ Thị Thu	Hiền	17	8,0	7,5
18	Trương Thị	Hiền	18	8,0	7,5
19	Dương Thị	Hoa	19	7,0	7,5
20	Dương Thị	Hoa	20	7,5	7,75
21	Phạm Thị Mai	Hòa	21	8,5	8,5
22	Trần Bá	Hoan	22	8,5	8,5
23	Nguyễn Việt	Hoàng	23	8,0	7,75



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm	
				Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam
24	Dương Đình	Hùng	24	8,5	8,5
25	Đào Việt	Hùng	25	7,0	7,5
26	Thiều Thị	Hương	26	8,5	7,5
27	Nguyễn Hữu	Khánh	27	8,5	8,0
28	Nguyễn Thị	Khuyên	28	8,5	8,5
29	Nguyễn Thành	Lê	29	Không đủ điều kiện dự thi	7,75
30	Nguyễn Phi	Long	30	8,5	8,5
31	Huỳnh Thị Kiều	Ly	31	8,5	Không đủ điều kiện dự thi
32	Võ Thị	Lý	32	8,5	8,5
33	Nguyễn Thị	Mai	33	7,5	8,0
34	Đoàn Thị Hoàng	Mai	34	8,0	7,5
35	Bùi Thị Tố	Na	35	7,5	8,0
36	Trần Hải	Nam	36	8,5	8,0
37	Phạm Thị	Nga	37	8,5	7,75
38	Đặng Thanh	Nga	38	8,0	8,5
39	Phan Thị Bảo	Ngọc	39	8,0	8,0
40	Lê Thị	Ngọc	40	8,0	Vắng thi
41	Cù Thị Bích	Ngọc	41	8,5	8,5
42	Nguyễn Thị Tâm	Nhàn	42	8,0	8,0
43	Nguyễn Nam	Nhật	43	8,5	8,0
44	Trần Thị	Nhung	44	8,0	7,5
45	Trần Khánh	Ninh	45	8,5	8,5
46	Nguyễn Thị Tố	Oanh	46	8,0	7,5
47	Phan Việt	Phương	47	8,5	7,5
48	Lê Thị	Phượng	48	8,0	8,0
49	Nguyễn Công	Quân	49	8,5	7,5
50	Nguyễn Thị	Sen	50	Không đủ điều kiện dự thi	7,5
51	Trương Doãn	Tân	51	8,0	7,5
52	Nguyễn Thị	Tâm	52	8,0	8,0

AN V
 ỜNG
 NH TR
 AN PH
 Y H A

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm	
				Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam
53	Trần Thị	Thảo	53	7,5	7,5
54	Nguyễn Hữu	Thuần	54	8,5	8,5
55	Nguyễn	Thuận	55	8,5	8,5
56	Ngô Bá	Thục	56	8,0	7,5
57	Hồ Thị	Thủy	57	7,5	7,5
58	Ngô Thị Xuân	Thương	58	8,5	8,0
59	Hoàng Đức	Thị	59	8,0	7,75
60	Bùi Xuân	Tiến	60	8,0	7,5
61	Trần Văn	Toàn	61	7,5	Không đủ điều kiện dự thi
62	Nguyễn Thị	Trang	62	8,0	7,5
63	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	63	8,0	8,0
64	Bùi Thị	Tú	65	8,0	7,75
65	Nguyễn Quang	Tùng	67	7,0	7,5
66	Hoàng Thị	Tuyết	68	8,5	7,5
67	Võ Tá Quốc	Việt	69	7,5	7,5
68	Trần Phú	Vinh	70	8,5	8,25
69	Lưu Thị	Vinh	71	8,0	8,0
70	Lê Hoài	Vũ	72	8,0	7,5
71	Phạm Thị	Thắm	73	8,0	Không đủ điều kiện dự thi
72	Phạm Thị Xuân	Thu	74	8,0	Không đủ điều kiện dự thi

Danh sách này gồm: 72 học viên

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Bùi Thị Thủy

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT VÀ NCKH

Nguyễn Xuân Bé

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ BÀI THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN
CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ; KINH TẾ CHÍNH TRỊ;

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 182 - ĐẢNG ỦY KHỐI CCQ&DN TỈNH

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1	Trần Trung	Anh	01	8,5	8,5	8,0
2	Trần Đức	Anh	02	8,5	8,5	7,75
3	Phạm Thanh	Biên	03	8,0	8,5	7,5
4	Trần Hải	Bình	04	7,0	8,0	7,5
5	Võ	Chính	05	8,5	8,5	8,0
6	Nguyễn Trọng	Chương	06	8,0	8,5	8,5
7	Nguyễn Tiến	Công	07	8,0	8,0	7,5
8	Lương Sỹ	Công	08	8,0	8,0	8,0
9	Nguyễn Thị Vân	Dung	09	8,5	8,5	8,5
10	Võ Thị Bích	Diện	10	8,5	8,0	8,0
11	Phạm Ngọc	Đài	11	7,5	7,75	7,5
12	Thái Văn	Đạt	12	Chưa đủ điều kiện dự thi	Chưa đủ điều kiện dự thi	8,25
13	Dương Hữu	Đức	13	8,5	8,5	8,5
14	Trương Huy	Đức	14	7,5	8,0	8,5
15	Trần Đăng	Đức	15	8,5	8,5	8,5
16	Nguyễn Thanh	Hải	16	7,5	8,0	8,0
17	Hồ Thị Thu	Hiền	17	8,0	8,0	8,5
18	Trương Thị	Hiền	18	8,5	8,0	Chưa đủ điều kiện dự thi
19	Dương Thị	Hoa	19	7,5	8,0	7,5
20	Dương Thị	Hoa	20	8,5	8,0	8,5
21	Phạm Thị Mai	Hòa	21	8,5	8,5	8,5



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị	Chủ nghĩa xã hội khoa học
22	Trần Bá	Hoan	22	8,5	8,5	8,5
23	Nguyễn Việt	Hoàng	23	8,0	8,0	8,5
24	Dương Đình	Hùng	24	8,5	8,5	8,0
25	Đào Việt	Hùng	25	7,5	8,0	8,0
26	Thiều Thị	Hương	26	8,0	8,0	Chưa đủ điều kiện dự thi
27	Nguyễn Hữu	Khánh	27	Chưa đủ điều kiện dự thi	7,5	7,0
28	Nguyễn Thị	Khuyên	28	7,5	Chưa đủ điều kiện dự thi	8,5
29	Nguyễn Thành	Lê	29	7,0	7,5	8,0
30	Nguyễn Phi	Long	30	8,5	8,0	8,0
31	Huỳnh Thị Kiều	Ly	31	8,5	8,5	8,5
32	Võ Thị	Lý	32	8,5	8,0	8,0
33	Nguyễn Thị	Mai	33	8,5	8,0	8,5
34	Đoàn Thị Hoàng	Mai	34	8,5	8,0	8,0
35	Bùi Thị Tố	Na	35	8,0	8,0	7,5
36	Trần Hải	Nam	36	8,0	8,0	8,0
37	Phạm Thị	Nga	37	7,5	8,0	8,5
38	Đặng Thanh	Nga	38	8,0	8,5	7,5
39	Phan Thị Bảo	Ngọc	39	8,5	7,5	8,0
40	Lê Thị	Ngọc	40	8,5	8,0	Chưa đủ điều kiện dự thi
41	Cù Thị Bích	Ngọc	41	8,5	8,5	8,5
42	Nguyễn Thị Tâm	Nhàn	42	8,0	8,0	7,5
43	Nguyễn Nam	Nhật	43	8,5	8,5	8,5
44	Trần Thị	Nhung	44	Chưa đủ điều kiện dự thi	8,0	Chưa đủ điều kiện dự thi
45	Trần Khánh	Ninh	45	7,5	7,5	7,5
46	Nguyễn Thị Tố	Oanh	46	8,5	8,0	7,5

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị	Chủ nghĩa xã hội khoa học
47	Phan Việt	Phương	47	8,0	8,0	7,0
48	Lê Thị	Phượng	48	8,5	8,5	8,0
49	Nguyễn Công	Quân	49	8,0	8,0	8,0
50	Nguyễn Thị	Sen	50	7,5	7,5	Chưa đủ điều kiện dự thi
51	Trương Doãn	Tân	51	7,5	8,0	7,5
52	Nguyễn Thị	Tâm	52	Chưa đủ điều kiện dự thi	Chưa đủ điều kiện dự thi	8,5
53	Trần Thị	Thảo	53	8,0	8,0	8,0
54	Nguyễn Hữu	Thuần	54	8,5	8,5	8,5
55	Nguyễn	Thuận	55	8,0	8,5	8,5
56	Ngô Bá	Thục	56	8,0	7,5	7,0
57	Hồ Thị	Thủy	57	7,5	8,0	7,5
58	Ngô Thị Xuân	Thương	58	Chưa đủ điều kiện dự thi	8,5	7,5
59	Hoàng Đức	Thị	59	8,0	Chưa đủ điều kiện dự thi	7,5
60	Bùi Xuân	Tiến	60	7,5	7,5	7,5
61	Trần Văn	Toàn	61	8,0	7,5	7,0
62	Nguyễn Thị	Trang	62	8,0	8,5	8,0
63	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	63	8,5	8,5	8,5
64	Nguyễn Trọng	Trung	64	7,5	8,0	7,5
65	Bùi Thị	Tú	65	8,5	8,5	8,0
66	Nguyễn Khắc	Tùng	66	8,0	8,0	7,5
67	Nguyễn Quang	Tùng	67	8,0	7,5	7,0
68	Hoàng Thị	Tuyết	68	8,0	7,5	8,0
69	Võ Tá Quốc	Việt	69	8,0	7,5	7,5
70	Trần Phú	Vinh	70	8,0	8,0	Chưa đủ điều kiện dự thi
71	Lưu Thị	Vinh	71	8,5	8,0	7,0
72	Lê Hoài	Vũ	72	7,0	7,5	7,5

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		
			Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị	Chủ nghĩa xã hội khoa học
73	Phạm Thị Thắm	73	Chưa đủ điều kiện dự thi	Chưa đủ điều kiện dự thi	7,5
74	Phạm Thị Xuân Thu	74	Chưa đủ điều kiện dự thi	Chưa đủ điều kiện dự thi	7,0

Danh sách này gồm: 74 học viên

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

PHỤ TRÁCH
PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thủy

Nguyễn Xuân Bé



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ BÀI THI HẾT PHẦN HỌC:
THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 182 - ĐẢNG ỦY KHỐI CCQ&DN TỈNH

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm	
				Bảng số	Bảng chữ
1	Trần Trung	Anh	01	8,5	Tám rưỡi
2	Trần Đức	Anh	02	8,5	Tám rưỡi
3	Phạm Thanh	Biên	03	7,5	Bảy rưỡi
4	Trần Hải	Bình	04	7,0	Bảy điểm
5	Võ	Chính	05	8,0	Tám điểm
6	Nguyễn Trọng	Chương	06	7,5	Bảy rưỡi
7	Nguyễn Tiến	Công	07	8,0	Tám điểm
8	Lương Sỹ	Công	08	8,0	Tám điểm
9	Nguyễn Thị Vân	Dung	09	8,5	Tám rưỡi
10	Võ Thị Bích	Diện	10	7,5	Bảy rưỡi
11	Phạm Ngọc	Đài	11	8,5	Tám rưỡi
12	Thái Văn	Đạt	12	8,5	Tám rưỡi
13	Dương Hữu	Đức	13	8,5	Tám rưỡi
14	Trương Huy	Đức	14	7,5	Bảy rưỡi
15	Trần Đăng	Đức	15	8,0	Tám điểm
16	Nguyễn Thanh	Hải	16	7,5	Bảy rưỡi
17	Hồ Thị Thu	Hiền	17	8,0	Tám điểm
18	Trương Thị	Hiền	18	8,5	Tám rưỡi
19	Dương Thị	Hoa	19	8,5	Tám rưỡi
20	Dương Thị	Hoa	20	8,0	Tám điểm
21	Phạm Thị Mai	Hòa	21	8,5	Tám rưỡi
22	Trần Bá	Hoan	22	8,0	Tám điểm
23	Nguyễn Việt	Hoàng	23	8,5	Tám rưỡi
24	Dương Đình	Hùng	24	8,5	Tám rưỡi
25	Đào Việt	Hùng	25	7,5	Bảy rưỡi
26	Thiều Thị	Hương	26	7,0	Bảy điểm
27	Nguyễn Thị	Khuyên	28	8,0	Tám điểm



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm	
				Bảng số	Bảng chữ
28	Nguyễn Thành	Lê	29	8,0	Tám điểm
29	Nguyễn Phi	Long	30	7,5	Bảy rưỡi
30	Huỳnh Thị Kiều	Ly	31	8,5	Tám rưỡi
31	Võ Thị	Lý	32	7,5	Bảy rưỡi
32	Nguyễn Thị	Mai	33	8,0	Tám điểm
33	Đoàn Thị Hoàng	Mai	34	8,0	Tám điểm
34	Bùi Thị Tố	Na	35	8,0	Tám điểm
35	Trần Hải	Nam	36	8,0	Tám điểm
36	Phạm Thị	Nga	37	7,5	Bảy rưỡi
37	Đặng Thanh	Nga	38	7,5	Bảy rưỡi
38	Phan Thị Bảo	Ngọc	39	7,5	Bảy rưỡi
39	Lê Thị	Ngọc	40	7,5	Bảy rưỡi
40	Cù Thị Bích	Ngọc	41	8,5	Tám rưỡi
41	Nguyễn Thị Tâm	Nhàn	42	Vắng thi	
42	Nguyễn Nam	Nhật	43	8,5	Tám rưỡi
43	Trần Thị	Nhung	44	8,0	Tám điểm
44	Trần Khánh	Ninh	45	8,5	Tám rưỡi
45	Nguyễn Thị Tố	Oanh	46	7,5	Bảy rưỡi
46	Phan Việt	Phương	47	7,0	Bảy điểm
47	Lê Thị	Phượng	48	7,0	Bảy điểm
48	Nguyễn Công	Quân	49	7,5	Bảy điểm
49	Nguyễn Thị	Sen	50	7,5	Bảy rưỡi
50	Trương Doãn	Tân	51	7,0	Bảy điểm
51	Nguyễn Thị	Tâm	52	7,5	Bảy rưỡi
52	Trần Thị	Thảo	53	8,5	Tám rưỡi
53	Nguyễn Hữu	Thuần	54	7,5	Bảy rưỡi
54	Nguyễn	Thuận	55	8,5	Tám rưỡi
55	Ngô Bá	Thục	56	7,5	Bảy rưỡi
56	Hồ Thị	Thủy	57	7,5	Bảy rưỡi
57	Ngô Thị Xuân	Thương	58	8,0	Tám điểm
58	Hoàng Đức	Thị	59	7,5	Bảy rưỡi
59	Bùi Xuân	Tiến	60	7,0	Bảy điểm
60	Trần Văn	Toàn	61	7,5	Bảy rưỡi

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm	
			Bảng số	Bảng chữ
61	Nguyễn Thị Trang	62	Vắng thi	
62	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	63	8,5	Tám rưỡi
63	Bùi Thị Tú	65	8,0	Tám điểm
64	Nguyễn Quang Tùng	67	7,5	Bảy rưỡi
65	Hoàng Thị Tuyết	68	8,0	Tám điểm
66	Võ Tá Quốc Việt	69	7,5	Bảy rưỡi
67	Trần Phú Vinh	70	7,5	Bảy rưỡi
68	Lưu Thị Vinh	71	7,5	Bảy rưỡi
69	Lê Hoài Vũ	72	7,0	Bảy điểm
70	Phạm Thị Thắm	73	8,0	Tám điểm
71	Phạm Thị Xuân Thu	74	8,5	Tám rưỡi

Danh sách này gồm: 71 học viên

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Bùi Thị Thủy

TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT VÀ NCKH

Nguyễn Xuân Bé



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ BÀI THI BỔ SUNG HẾT PHẦN HỌC
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 182 - ĐẢNG ỦY KHÔI

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
I	Phần: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử				
1	Thái Văn Đạt	12	7,0	Bảy điểm	
2	Trần Thị Nhung	14	8,0	Tám điểm	
3	Nguyễn Thị Tâm	52	8,0	Tám điểm	
4	Ngô Thị Xuân Thương	58	7,0	Bảy điểm	
5	Phạm Thị Thắm	73	7,0	Bảy điểm	
6	Phạm Thị Xuân Thu	74	7,0	Bảy điểm	
II	Phần: Kinh tế chính trị				
1	Thái Văn Đạt	12	7,0	Bảy điểm	
2	Nguyễn Thị Khuyên	28	8,5	Tám rưỡi	
3	Nguyễn Thị Tâm	52	8,0	Tám điểm	
4	Hoàng Đức Thị	59	7,5	Bảy rưỡi	
5	Phạm Thị Thắm	73	7,5	Bảy rưỡi	
6	Phạm Thị Xuân Thu	74	8,0	Tám điểm	
III	Phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học				
1	Trương Thị Hiền	18	8,0	Tám điểm	
2	Thiều Thị Hương	26	7,5	Bảy rưỡi	
3	Lê Thị Ngọc	40	7,5	Bảy rưỡi	
4	Trần Thị Nhung	44	7,5	Bảy rưỡi	
5	Nguyễn Thị Sen	50	7,0	Bảy điểm	
6	Trần Phú Vinh	70	8,0	Tám điểm	
IV	Phần: Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh				
1	Nguyễn Tiến Công	7	7,5	Bảy rưỡi	
2	Trần Đăng Đức	15	8,5	Tám rưỡi	
3	Nguyễn Thành Lê	29	8,5	Tám rưỡi	
4	Nguyễn Thị Sen	50	8,0	Tám điểm	
V	Phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
1	Lê Thị Ngọc	40	7,5	Bảy rưỡi	
2	Ngô Bá Thục	56	7,5	Bảy rưỡi	
3	Ngô Thị Xuân Thương	58	7,5	Bảy rưỡi	
VI Phần: Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam					
1	Trần Trung Anh	1	8,5	Tám rưỡi	
2	Huỳnh Thị Kiều Ly	31	8,0	Tám điểm	
3	Lê Thị Ngọc	40	8,0	Tám điểm	
4	Trần Văn Toàn	61	7,5	Bảy rưỡi	
5	Phạm Thị Thắm	73	8,0	Tám điểm	
6	Phạm Thị Xuân Thu	74	7,5	Bảy rưỡi	
VII Phần: Nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật Việt Nam					
1	Lê Thị Ngọc	40	8,0	Tám điểm	
2	Ngô Bá Thục	56	7,0	Bảy điểm	
3	Ngô Thị Xuân Thương	58	7,5	Bảy rưỡi	
4	Hoàng Đức Thị	59	7,5	Bảy rưỡi	
VIII Phần: Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội					
1	Võ Thị Bích Diễm	10	8,0	Tám điểm	
2	Hồ Thị Thu Hiền	17	8,0	Tám điểm	
3	Phạm Thị Mai Hòa	21	8,5	Tám rưỡi	
4	Nguyễn Thuận	55	8,5	Tám rưỡi	
5	Hoàng Đức Thị	59	8,0	Tám điểm	
6	Bùi Thị Tú	65	8,0	Tám điểm	
IX Phần: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý					
1	Trương Huy Đức	14	7,5	Bảy rưỡi	
2	Phạm Thị Mai Hòa	21	8,5	Tám rưỡi	
3	Đoàn Thị Hoàng Mai	34	8,0	Tám điểm	
4	Ngô Thị Xuân Thương	58	8,0	Tám điểm	
5	Trần Văn Toàn	61	7,5	Bảy rưỡi	
X Phần: Kiến thức bổ trợ					
1	Nguyễn Thị Trang	62	8,0	Tám điểm	
XI Phần: Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương					
1	Nguyễn Thị Tâm Nhân	42	8,0	Tám điểm	

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
2	Nguyễn Thị Trang	62	8,0	Tám điểm	

Danh sách này gồm: 49 học viên

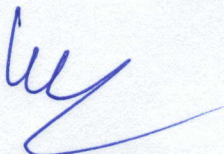
Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM



Bùi Thị Thủy

**TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT VÀ NCKH**



Nguyễn Xuân Bé



Nguyễn Trọng Tứ



TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

**KẾT QUẢ BÀI THI HẾT PHẦN HỌC: BÀI THU HOẠCH NGHIÊN CỨU THỰC TẾ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 182 - ĐẢNG ỦY KHỐI CCQ&DN TỈNH**

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm	
				Bảng số	Bảng chữ
1	Trần Trung	Anh	01	8,0	Tám điểm
2	Trần Đức	Anh	02	8,25	Tám phẩy hai lăm
3	Phạm Thanh	Biên	03	8,0	Tám điểm
4	Trần Hải	Bình	04	7,5	Bảy rưỡi
5	Võ	Chính	05	7,5	Bảy rưỡi
6	Nguyễn Trọng	Chương	06	7,5	Bảy rưỡi
7	Nguyễn Tiến	Công	07	7,5	Bảy rưỡi
8	Lương Sỹ	Công	08	8,0	Tám điểm
9	Nguyễn Thị Vân	Dung	09	8,5	Tám rưỡi
10	Võ Thị Bích	Diện	10	8,0	Tám điểm
11	Phạm Ngọc	Đài	11	8,0	Tám điểm
12	Thái Văn	Đạt	12	7,5	Bảy rưỡi
13	Dương Hữu	Đức	13	8,5	Tám rưỡi
14	Trương Huy	Đức	14	8,0	Tám điểm
15	Trần Đăng	Đức	15	7,5	Bảy rưỡi
16	Nguyễn Thanh	Hải	16	7,5	Bảy rưỡi
17	Hồ Thị Thu	Hiền	17	7,5	Bảy rưỡi
18	Trương Thị	Hiển	18	8,0	Tám điểm
19	Dương Thị	Hoa	19	7,5	Bảy rưỡi
20	Dương Thị	Hoa	20	8,25	Tám phẩy hai lăm
21	Phạm Thị Mai	Hòa	21	8,5	Tám rưỡi
22	Trần Bá	Hoan	22	8,25	Tám phẩy hai lăm
23	Nguyễn Việt	Hoàng	23	7,5	Bảy rưỡi
24	Dương Đình	Hùng	24	8,25	Tám phẩy hai lăm
25	Đào Việt	Hùng	25	7,25	Bảy phẩy hai lăm
26	Thiều Thị	Hương	26	8,0	Tám điểm
27	Nguyễn Thị	Khuyên	28	8,0	Tám điểm
28	Nguyễn Thành	Lê	29	7,5	Bảy rưỡi



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm	
				Bảng số	Bảng chữ
29	Nguyễn Phi	Long	30	7,5	Bảy rưỡi
30	Huỳnh Thị Kiều	Ly	31	8,0	Tám điểm
31	Võ Thị	Lý	32	7,5	Bảy rưỡi
32	Nguyễn Thị	Mai	33	8,0	Tám điểm
33	Đoàn Thị Hoàng	Mai	34	8,0	Tám điểm
34	Bùi Thị Tố	Na	35	7,5	Bảy rưỡi
35	Trần Hải	Nam	36	7,5	Bảy rưỡi
36	Phạm Thị	Nga	37	8,25	Tám phẩy hai lăm
37	Đặng Thanh	Nga	38	7,5	Bảy rưỡi
38	Phan Thị Bảo	Ngọc	39	7,5	Bảy rưỡi
39	Lê Thị	Ngọc	40	7,5	Bảy rưỡi
40	Cù Thị Bích	Ngọc	41	8,5	Tám rưỡi
41	Nguyễn Thị Tâm	Nhàn	42	7,5	Bảy rưỡi
42	Nguyễn Nam	Nhật	43	8,5	Tám rưỡi
43	Trần Thị	Nhung	44	8,0	Tám điểm
44	Trần Khánh	Ninh	45	8,5	Tám rưỡi
45	Nguyễn Thị Tố	Oanh	46	8,25	Tám phẩy hai lăm
46	Phan Việt	Phương	47	8,0	Tám điểm
47	Lê Thị	Phượng	48	8,0	Tám điểm
48	Nguyễn Công	Quân	49	8,0	Tám điểm
49	Nguyễn Thị	Sen	50	7,5	Bảy rưỡi
50	Trương Doãn	Tân	51	7,5	Bảy rưỡi
51	Nguyễn Thị	Tâm	52	8,0	Tám điểm
52	Trần Thị	Thảo	53	8,0	Tám điểm
53	Nguyễn Hữu	Thuần	54	8,0	Tám điểm
54	Nguyễn	Thuận	55	8,5	Tám rưỡi
55	Ngô Bá	Thục	56	8,0	Tám điểm
56	Hồ Thị	Thủy	57	8,0	Tám điểm
57	Ngô Thị Xuân	Thương	58	8,25	Tám phẩy hai lăm
58	Hoàng Đức	Thị	59	8,0	Tám điểm
59	Bùi Xuân	Tiến	60	7,5	Bảy rưỡi
60	Trần Văn	Toàn	61	7,5	Bảy rưỡi
61	Nguyễn Thị	Trang	62	8,0	Tám điểm

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm	
			Bảng số	Bảng chữ
62	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	63	8,5	Tám rưỡi
63	Bùi Thị Tú	65	7,5	Bảy rưỡi
64	Nguyễn Quang Tùng	67	7,5	Bảy rưỡi
65	Hoàng Thị Tuyết	68	8,0	Tám điểm
66	Võ Tá Quốc Việt	69	7,5	Bảy rưỡi
67	Trần Phú Vinh	70	7,5	Bảy rưỡi
68	Lưu Thị Vinh	71	8,0	Tám điểm
69	Lê Hoài Vũ	72	7,5	Bảy rưỡi
70	Phạm Thị Thắm	73	7,5	Bảy rưỡi
71	Phạm Thị Xuân Thu	74	7,5	Bảy rưỡi

Danh sách này gồm: 71 học viên

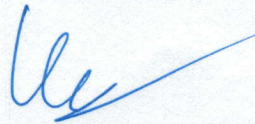
Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM



Bùi Thị Thủy

TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT VÀ NCKH



Nguyễn Xuân Bé

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Tứ

*

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ 182, HỆ KHÔNG TẬP TRUNG
MỞ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

TT	Họ và tên		SBD	Khối kiến thức 1	Khối kiến thức 2	Khối kiến thức 3	Điểm Trung bình	
				(1)	(2)	(3)	Bảng số	Bảng chữ
1	Trần Đức	Anh	01	7,5	8,0	8,5	8,00	Tám phẩy không
2	Phạm Thanh	Biên	02	7,5	7,0	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
3	Trần Hải	Bình	03	7,5	7,0	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
4	Võ	Chính	04	8,0	8,0	8,5	8,17	Tám phẩy mười bảy
5	Nguyễn Trọng	Chương	05	8,5	8,0	8,5	8,33	Tám phẩy ba ba
6	Nguyễn Tiến	Công	06	8,0	7,5	7,5	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
7	Lương Sỹ	Công	07	7,5	7,0	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
8	Võ Thị Bích	Diện	08	8,0	8,25	7,5	7,92	Bảy phẩy chín hai
9	Phạm Ngọc	Đài	09	7,5	7,5	7,0	7,33	Bảy phẩy ba ba
10	Thái Văn	Đạt	10	8,5	7,5	8,5	8,17	Tám phẩy mười bảy
11	Trương Huy	Đức	11	7,5	7,0	8,0	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nguyễn Thanh	Hải	12	7,5	7,0	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
13	Hồ Thị Thu	Hiền	13	8,5	7,0	8,0	7,83	Bảy phẩy tám ba
14	Trương Thị	Hiển	14	8,0	7,5	7,5	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
15	Dương Thị	Hoa	15	8,0	7,0	7,5	7,50	Bảy phẩy năm
16	Dương Thị	Hoa	16	8,5	8,0	8,5	8,33	Tám phẩy ba ba
17	Nguyễn Việt	Hoàng	17	7,5	7,5	7,5	7,50	Bảy phẩy năm
18	Đào Việt	Hùng	18	7,5	7,0	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
19	Nguyễn Thành	Lê	19	8,5	7,5	8,5	8,17	Tám phẩy mười bảy
20	Nguyễn Phi	Long	20	8,5	8,0	8,5	8,33	Tám phẩy ba ba
21	Võ Thị	Lý	21	8,0	7,75	7,5	7,75	Bảy phẩy bảy lăm

TT	Họ và tên		SBD	Khối kiến thức 1	Khối kiến thức 2	Khối kiến thức 3	Điểm Trung bình	
				(1)	(2)	(3)	Bảng số	Bảng chữ
22	Nguyễn Thị	Mai	22	8,0	8,0	7,5	7,83	Bảy phẩy tám ba
23	Đoàn Thị Hoàng	Mai	23	8,0	7,5	7,5	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
24	Bùi Thị Tố	Na	24	7,5	8,0	7,5	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
25	Trần Hải	Nam	25	7,5	7,5	7,0	7,33	Bảy phẩy ba ba
26	Phạm Thị	Nga	26	7,5	8,0	7,5	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
27	Đặng Thanh	Nga	27	7,5	7,5	7,0	7,33	Bảy phẩy ba ba
28	Phan Thị Bảo	Ngọc	28	7,5	7,5	7,0	7,33	Bảy phẩy ba ba
29	Nguyễn Thị Tâm	Nhàn	29	7,5	7,0	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
30	Trần Thị	Nhung	30	7,0	8,0	7,5	7,50	Bảy phẩy năm
31	Nguyễn Thị Tố	Oanh	31	7,0	7,5	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
32	Phan Việt	Phương	32	7,0	7,0	7,5	7,17	Bảy phẩy mười bảy
33	Lê Thị	Phượng	33	7,0	8,0	7,5	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nguyễn Công	Quân	34	7,0	7,5	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
35	Nguyễn Thị	Sen	35	7,5	7,0	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
36	Trương Doãn	Tân	36	7,5	7,0	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
37	Nguyễn Thị	Tâm	37	7,0	7,5	8,0	7,50	Bảy phẩy năm
38	Trần Thị	Thảo	38	8,0	8,0	8,5	8,17	Tám phẩy mười bảy
39	Nguyễn Hữu	Thuần	39	8,5	8,25	8,5	8,42	Tám phẩy bốn hai
40	Ngô Bá	Thục	40	8,0	7,0	7,0	7,33	Bảy phẩy ba ba
41	Hồ Thị	Thủy	41	7,0	7,0	7,5	7,17	Bảy phẩy mười bảy
42	Ngô Thị Xuân	Thương	42	7,0	7,5	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
43	Hoàng Đức	Thị	43	7,0	7,0	7,5	7,17	Bảy phẩy mười bảy
44	Bùi Xuân	Tiến	44	7,0	7,5	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
45	Trần Văn	Toàn	45	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không
46	Nguyễn Thị	Trang	46	7,5	7,5	7,0	7,33	Bảy phẩy ba ba
47	Bùi Thị	Tú	47	7,5	7,5	7,5	7,50	Bảy phẩy năm

TT	Họ và tên		SBD	Khối kiến thức 1	Khối kiến thức 2	Khối kiến thức 3	Điểm Trung bình	
				(1)	(2)	(3)	Bảng số	Bảng chữ
48	Nguyễn Quang	Tùng	48	7,5	7,0	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
49	Hoàng Thị	Tuyết	49	7,5	8,0	7,0	7,50	Bảy phẩy năm
50	Võ Tá Quốc	Việt	50	7,5	7,5	7,0	7,33	Bảy phẩy ba ba
51	Trần Phú	Vinh	51	7,0	7,5	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
52	Lưu Thị	Vinh	52	7,5	7,0	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
53	Lê Hoài	Vũ	53	7,0	8,0	7,5	7,50	Bảy phẩy năm
54	Phạm Thị	Thắm	54	7,5	7,0	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
55	Phạm Thị Xuân	Thu	55	8,25	8,25	8,25	8,25	Tám phẩy hai lăm

Danh sách này gồm: 55 học viên

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Bùi Thị Thủy

GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG

Nguyễn Trọng Vinh

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Nguyễn Xuân Bé

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Trọng Tứ